

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Bản tin Văn bản pháp luật mới số 16 có các nội dung đáng chú ý sau:

- *Quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.*
- *Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.*
- *Quy định về Báo cáo tài chính nhà nước.*
- *Văn bản dự thảo: Dự thảo Nghị định về quỹ phát triển trí tuệ nhân tạo quốc gia.*
- *Giải đáp pháp luật: Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.*

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

TIẾP TỤC XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

Ngày 08/4/2026, Chính phủ ra [Nghị quyết số 105/NQ-CP](#) ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới.

Chương trình hành động xác định các nhiệm vụ chủ yếu để Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Kết luận số 210-KL/TW, các chủ trương, kết luận của cấp có thẩm quyền về xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy; nâng cao nhận thức, trách nhiệm, quyết tâm của các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhất là người đứng đầu trong việc thực hiện Kết luận số 210-KL/TW, phấn đấu thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại Kết luận; nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, nhất là công tác thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng thành các văn bản quy phạm pháp luật, tạo chuyển biến thực sự để hoàn thành tốt các mục tiêu về xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy.

Để thực hiện các mục tiêu trên, Chương trình hành động đưa ra các giải pháp sau: Thực hiện hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, thông tin, tuyên truyền; hoàn thiện thể chế, chức năng, nhiệm vụ

của các cơ quan, đơn vị, tổ chức; tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với cải cách thủ tục hành chính; tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan nhà nước bảo đảm hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; thực hiện hiệu quả công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát.

Một số giải pháp nổi bật như: Rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo ngành, lĩnh vực phụ trách để kịp thời ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bảo đảm khắc phục triệt để tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn, chưa phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, ưu tiên các lĩnh vực tài chính - ngân sách, đất đai và quy hoạch, cải cách hành chính và chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, tổ chức bộ máy, cán bộ, chế độ chính sách, giáo dục, đào tạo; xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của từng cấp, xóa bỏ chồng lấn, chồng chéo, nhất là các nhiệm vụ, quyền hạn có tính liên thông giữa 3 cấp (Trung ương, cấp tỉnh, cấp xã), đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, điều kiện làm việc các cơ quan, đơn vị, tổ chức, nhất là nơi hợp nhất, sáp nhập; tiếp tục rà soát, sắp xếp tinh gọn các tổ chức bên trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị; tập trung xây dựng chính quyền số, xã hội số, công dân số, bình dân học vụ số; hoàn thiện các quy định pháp luật, hướng dẫn, theo dõi việc sắp xếp các thôn, tổ dân phố ở xã, phường

và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố phù hợp với yêu cầu trong tình hình mới. Cùng với đó, bộ, ngành thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các quy định mới về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền và vận hành chính quyền địa phương 2 cấp, kịp thời phát hiện, giải quyết những khó khăn, vướng mắc, những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn.

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO PHƯƠNG THỨC ĐA CẤP

Từ ngày 01/7/2026, việc quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp thực hiện theo [Nghị định số 137/2026/NĐ-CP](#).

Nghị định này được Chính phủ ban hành ngày 07/4/2026, quy định về đăng ký hoạt động, quản lý doanh nghiệp và người tham gia, hoạt động bán hàng đa cấp, ký quỹ và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước. Đối tượng áp dụng là doanh nghiệp bán hàng đa cấp, người tham gia, đào tạo viên, đầu mối tại địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Về phạm vi kinh doanh, Nghị định quy định hoạt động đa cấp chỉ được thực hiện đối với hàng hóa, đồng thời cấm áp dụng đối với một số loại hàng như thuốc, thiết bị y tế, hóa chất nguy hiểm và sản phẩm nội dung số. Ngoài ra, các hành vi phát triển mạng lưới không dựa trên việc mua bán hàng hóa đều bị nghiêm cấm nhằm ngăn chặn biến tướng của mô hình đa cấp.

Đối với việc đăng ký hoạt động, doanh nghiệp phải đáp ứng nhiều điều kiện như được thành lập hợp pháp tại Việt Nam, ký quỹ tại ngân hàng, có hệ thống công nghệ thông tin quản lý mạng lưới, có quy tắc hoạt động và kế hoạch trả thưởng minh bạch. Hồ sơ đăng ký được nộp cho Bộ Công Thương và phải trải qua các bước kiểm tra, thẩm định trước khi được cấp giấy chứng nhận có hiệu lực 5 năm. Nghị định cũng quy định rõ các trường hợp sửa đổi, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy chứng nhận.

Ở cấp địa phương, doanh nghiệp muốn hoạt động phải đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và chỉ được triển khai sau khi được xác nhận. Trường hợp không có cơ sở tại địa phương, doanh nghiệp phải chỉ định một đầu mối đáp ứng đủ điều kiện để làm việc với cơ quan quản lý. Nghị định cũng quy định cụ thể về thủ tục đăng ký, sửa đổi, thu hồi xác nhận và chấm dứt hoạt động tại địa phương, cũng như việc tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo liên quan đến bán hàng đa cấp.

Người tham gia bán hàng đa cấp là cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật và cư trú tại Việt Nam. Cùng với điều kiện này, Nghị định cũng nêu rõ những đối tượng mà doanh nghiệp bán hàng đa cấp không ký hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp. Việc tham gia phải thông qua hợp đồng bằng văn bản với đầy đủ nội dung về quyền, nghĩa vụ, kế hoạch trả thưởng và cơ chế giải quyết tranh chấp. Người tham gia có quyền chấm dứt hợp đồng và doanh

nghiệp phải thanh toán đầy đủ quyền lợi trong thời hạn quy định.

Ngoài ra, Nghị định nhấn mạnh yêu cầu đào tạo bắt buộc đối với người tham gia, với nội dung về pháp luật, đạo đức và quy tắc hoạt động, thời lượng tối thiểu 6 giờ. Doanh nghiệp phải tổ chức đào tạo miễn phí, cấp thẻ thành viên sau khi hoàn thành và quản lý đội ngũ đào tạo viên theo tiêu chuẩn chặt chẽ. Đồng thời, các cơ sở đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp cũng phải được công nhận và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước.

CHE ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ QUỐC GIA

[Nghị định số 139/2026/NĐ-CP](#) ngày 07/4/2026 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia để thu thập thông tin phục vụ hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, đặc biệt là các chỉ tiêu quan trọng như GDP và GRDP.

Đối tượng áp dụng của Nghị định bao gồm các bộ, cơ quan ngang bộ, một số cơ quan thuộc Quốc hội, các cơ quan tư pháp trung ương, Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê. Điều này nhằm đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong việc thu thập và tổng hợp số liệu trên phạm vi toàn quốc.

Nội dung chế độ báo cáo thống kê được quy định cụ thể, bao gồm mục đích, phạm vi thống kê, đơn vị báo cáo, đơn vị nhận báo cáo, ký hiệu biểu mẫu, kỳ báo cáo và thời hạn nộp báo cáo. Các báo cáo có thể được thực hiện theo nhiều kỳ khác

n nhau như tháng, quý, năm hoặc đột xuất. Phương thức gửi báo cáo có thể bằng văn bản giấy hoặc điện tử, đồng thời yêu cầu phải có chữ ký hợp lệ và đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin.

Nghị định cũng quy định rõ hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê áp dụng cho từng bộ, ngành, được liệt kê chi tiết trong các phụ lục kèm theo. Mỗi bộ, ngành có trách nhiệm thực hiện các biểu mẫu báo cáo tương ứng với lĩnh vực quản lý của mình, bảo đảm cung cấp đầy đủ và chính xác thông tin thống kê.

Bộ Tài chính giữ vai trò chủ trì trong việc hướng dẫn, triển khai, kiểm tra và giám sát việc thực hiện Nghị định. Các bộ, ngành và cơ quan liên quan có trách nhiệm thu thập, tổng hợp và báo cáo số liệu thống kê, đồng thời giải trình khi có biến động bất thường.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026 và thay thế Nghị định số 60/2018/NĐ-CP.

QUY ĐỊNH VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC

[Nghị định 140/2026/NĐ-CP](#), ngày 16/4/2026 quy định về nội dung Báo cáo tài chính nhà nước; lập, gửi và công khai Báo cáo, cũng như trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc cung cấp thông tin tài chính để lập Báo cáo.

Báo cáo tài chính nhà nước được lập trên phạm vi toàn quốc và cấp tỉnh, theo kỳ kế toán năm và sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam. Việc lập báo cáo phải tuân thủ

các nguyên tắc như: phản ánh trung thực, khách quan, đảm bảo tính nhất quán, so sánh được và phải loại trừ các giao dịch nội bộ giữa các đơn vị trong cùng hệ thống nhà nước.

Nội dung Báo cáo tài chính nhà nước gồm bốn báo cáo chính: Báo cáo tình hình tài chính phản ánh tài sản và nguồn vốn của Nhà nước; Báo cáo kết quả hoạt động tài chính thể hiện doanh thu, chi phí và thặng dư hoặc thâm hụt; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ phản ánh các dòng tiền vào - ra theo hoạt động và Thuyết minh báo cáo nhằm giải thích, bổ sung thông tin chi tiết. Các báo cáo này cung cấp cái nhìn toàn diện về tình hình tài chính công.

Quy trình lập và gửi báo cáo được thực hiện theo hai cấp: cấp tỉnh và toàn quốc. Bộ Tài chính đóng vai trò chủ trì tổng hợp, kiểm tra và lập báo cáo. Báo cáo cấp tỉnh phải hoàn thành và gửi trong thời hạn nhất định để làm cơ sở lập báo cáo toàn quốc, sau đó trình Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quốc hội.

Nghị định quy định rõ việc công khai Báo cáo tài chính nhà nước nhằm đảm bảo minh bạch. Nội dung công khai bao gồm thông tin về tài sản, nguồn vốn, thu - chi và lưu chuyển tiền tệ, trừ các nội dung liên quan đến bí mật nhà nước. Báo cáo được công khai trên cổng thông tin điện tử hoặc các hình thức khác trong thời hạn 30 ngày kể từ khi được phê duyệt.

Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin tài chính đầy đủ, đúng thời hạn để phục vụ

lập Báo cáo. Trường hợp không chấp hành, có thể bị tạm đình chỉ chi ngân sách (trừ các khoản chi thiết yếu).

Nghị định có hiệu lực từ ngày 16/4/2026 và thay thế Nghị định 25/2017/NĐ-CP.

QUY ĐỊNH VỀ TRAO ĐỔI QUỐC TẾ KẾT QUẢ GIẢM NHỆ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH VÀ TÍN CHỈ CÁC-BON

Ngày 01/4/2026, Chính phủ ban hành [Nghị định số 112/2026/NĐ-CP](#) quy định về trao đổi kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon với đối tác quốc tế nhằm thực hiện Thỏa thuận Paris thuộc Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, hỗ trợ thực hiện mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính quốc gia và các mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính khác.

Theo Nghị định, trao đổi quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon là hoạt động trao đổi kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon giữa Việt Nam và đối tác quốc tế được thực hiện trong khuôn khổ Thỏa thuận hợp tác thực hiện theo khoản 2 Điều 6 Thỏa thuận Paris hoặc theo cơ chế quy định tại khoản 4 Điều 6 Thỏa thuận Paris hoặc ngoài khuôn khổ Thỏa thuận Điều 6.2 và Cơ chế Điều 6.4.

Về tỷ lệ chuyển giao quốc tế đối với trường hợp chuyển giao quốc tế có điều chỉnh tương ứng, tỷ lệ chuyển giao tối đa đối với lượng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon được cấp cho giai đoạn tạo kết quả giảm nhẹ phát thải

khí nhà kính, tín chỉ các-bon được quy định như sau: 90% đối với các chương trình, dự án theo các biện pháp, hoạt động giảm phát thải khí nhà kính thuộc danh mục số 01 tại Phụ lục I của Nghị định; 50% đối với các chương trình, dự án theo các biện pháp, hoạt động giảm phát thải khí nhà kính thuộc danh mục số 02 tại Phụ lục I của Nghị định. Trường hợp chuyển giao quốc tế không điều chỉnh tương ứng, tỷ lệ chuyển giao tối đa là 90% lượng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon được cấp cho một giai đoạn tạo kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon đối với tất cả chương trình, dự án. Lượng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon còn lại sau khi chuyển giao quốc tế được phép sử dụng để trao đổi trong nước.

Cơ quan chủ quản chương trình, dự án đầu tư công quyết định việc bán kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon từ các chương trình, dự án đó. Tuy nhiên, hoạt động này phải lấy ý kiến của bộ quản lý lĩnh vực, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công an và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Nguồn thu từ việc trao đổi kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon hình thành từ dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (dự án PPP) được ghi nhận là doanh thu của dự án PPP và được quản lý theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Đối với các dự án PPP đã được ký kết hợp đồng dự án và/hoặc có phương án tài chính mà có nhu

cầu trao đổi kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon thì cơ quan ký kết hợp đồng và nhà đầu tư tiến hành điều chỉnh hợp đồng dự án PPP và/hoặc phương án tài chính. Khoản tiền thu được từ việc bán kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon từ các chương trình, dự án đầu tư công là khoản thu ngân sách nhà nước và được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 19/5/2026.

CHƯƠNG TRÌNH VƯƠN RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

Chương trình vươn ra thị trường quốc tế giai đoạn 2026 – 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 06/4/2026 tại [Quyết định số 626/QĐ-TTg](#).

Chương trình được xây dựng theo định hướng tập trung giải quyết các điểm nghẽn về thể chế, chính sách để khuyến khích, tạo thuận lợi, kiểm soát rủi ro đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp tại thị trường nước ngoài; bảo đảm cơ chế tiếp cận thị trường, nguồn lực thông thoáng và thủ tục hành chính tinh gọn, tương thích với các nền kinh tế có sức cạnh tranh cao; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh ở nước ngoài đối với các ngành, lĩnh vực và thị trường mà Việt Nam có lợi thế cạnh tranh, có giá trị gia tăng và tiềm năng lan tỏa cao; tập trung đầu tư chiến lược, mua bán và sáp nhập (M&A), xây dựng trung tâm phân

phối, kho ngoại quan, khu công nghiệp, hệ thống bán buôn, bán lẻ, đại lý, văn phòng đại diện, văn phòng nghiên cứu và phát triển và dịch vụ sau bán hàng tại nước ngoài; ưu tiên các doanh nghiệp có năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo và có năng lực cạnh tranh vượt trội trong một số ngành, lĩnh vực, có khả năng dẫn dắt ngành, lĩnh vực; tạo sức lan tỏa trong chuỗi giá trị; doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có mô hình kinh doanh toàn cầu.

Mục tiêu đặt ra là đến năm 2030, tối thiểu 10.000 lượt doanh nghiệp được đào tạo về triển khai hoạt động đầu tư và kinh doanh toàn cầu; 1.000 doanh nghiệp được tư vấn và xây dựng kế hoạch vươn ra thị trường quốc tế; tối thiểu 100 doanh nghiệp được hỗ trợ chuyên sâu, toàn diện để đầu tư ra nước ngoài, trong đó 30% doanh nghiệp đầu tư theo phương thức M&A; tối thiểu 100 doanh nghiệp được hỗ trợ chuyên sâu, toàn diện từ nghiên cứu, thiết kế, sản xuất đến phân phối và xây dựng thương hiệu quốc tế, trong đó, tối thiểu 20 doanh nghiệp lớn trong các ngành mũi nhọn, chiến lược tham gia chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu; tối thiểu 100 doanh nghiệp được hỗ trợ chuyên sâu, toàn diện hoạt động hiệu quả trên các sàn giao dịch thương mại điện tử xuyên biên giới, trong đó tối thiểu 10 doanh nghiệp đạt doanh thu xuất khẩu trực tuyến trên 10 triệu USD.

Để đạt được các mục tiêu trên, Chương trình đặt ra 5 nhiệm vụ, giải pháp. Đó là tạo lập khung thể chế đồng bộ, minh bạch và thuận lợi

nhằm khuyến khích, hỗ trợ và giảm thiểu rủi ro cho doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh tại thị trường nước ngoài; xây dựng nền tảng thông tin, nhận thức và năng lực vươn ra thị trường; khuyến khích, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài, đặc biệt là đầu tư M&A để tiếp cận nguồn lực thế giới, mở rộng không gian tăng trưởng kinh tế và tăng cường vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế; thúc đẩy doanh nghiệp tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu nhằm nâng cao giá trị gia tăng trong xuất khẩu và tăng cường mức độ độc lập, tự chủ chiến lược của nền kinh tế và phát triển bền vững; tạo thuận lợi cho doanh nghiệp đẩy mạnh các hoạt động thương mại số xuyên biên giới nhằm thúc đẩy tăng trưởng dựa trên công nghệ, dữ liệu, đổi mới sáng tạo và bền vững.

CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ VỚI BẠO LỰC TRÊN CƠ SỞ GIỚI GIAI ĐOẠN 2026-2030

Chương trình này được ban hành kèm theo [Quyết định số 625/QĐ-TTg](#) ngày 06/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

Chương trình nhằm giảm thiểu bạo lực trên cơ sở giới trên phạm vi cả nước thông qua việc tăng cường giáo dục nhận thức thay đổi hành vi về bạo lực giới; nhân rộng mô hình cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho người bị bạo lực trên cơ sở giới, lấy người bị bạo lực làm trung tâm, đảm bảo mọi người dân, nhất là phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực đều được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ, bảo vệ kịp thời, được sống trong môi trường an toàn, bình đẳng và không có bạo lực.

Đến 2030, mục tiêu là 100% người bị bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện và được tiếp cận ít nhất một dịch vụ hỗ trợ phù hợp; mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có ít nhất 05 nơi tạm lánh tại cộng đồng được chuẩn hóa, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; 60% các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành trong phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; 100% các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai hình thức tiếp nhận trực tuyến hoặc ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận, quản lý và hỗ trợ người bị bạo lực trên cơ sở giới; 100% cơ sở giáo dục xây dựng và thực hiện quy trình phòng ngừa, phát hiện và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới trong nhà trường; 100% doanh nghiệp ban hành hoặc lồng ghép nội dung về phòng, chống quấy rối tại nơi làm việc theo Bộ luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan; 80% cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên và cộng tác viên làm công tác xã hội được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức về phòng ngừa và ứng phó với

bạo lực trên cơ sở giới; kỹ năng chuyên sâu về trợ giúp và hỗ trợ pháp lý cho người bị bạo lực trên cơ sở giới.

Để thực hiện các mục tiêu nêu trên, Chương trình đã đưa ra 5 nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu để các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện. Đó là đổi mới công tác truyền thông, giáo dục nhằm phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; hướng dẫn và nhân rộng mô hình cung cấp dịch vụ hỗ trợ người bị bạo lực trên cơ sở giới; tăng cường công tác kiểm tra, phối hợp thực hiện phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; bồi dưỡng, nâng cao năng lực trong công tác phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; hợp tác quốc tế và ứng dụng chuyển đổi số trong công tác phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

Bộ Nội vụ là cơ quan chủ trì, có trách nhiệm xây dựng, hướng dẫn, tổ chức triển khai các nhiệm vụ của Chương trình; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc báo cáo, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chương trình này.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC PPP TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

[Thông tư 35/2026/TT-BGDĐT](#), ngày 21/4/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn một số nội dung liên quan đến hoạt động đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Đối tượng áp dụng là các tổ chức, cá

nhân tham gia hoặc có liên quan đến các dự án PPP trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, không bao gồm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên.

Thông tư nhấn mạnh việc đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án PPP thông qua các chỉ tiêu như giá trị hiện tại ròng (ENPV), tỷ số lợi ích - chi phí (BCR) và tỷ suất

hoàn vốn nội bộ (EIRR). Các lợi ích của dự án được phân thành ba nhóm: lợi ích có thể định lượng và quy đổi thành tiền; lợi ích có thể định lượng nhưng không quy đổi được thành tiền; và lợi ích mang tính định tính như nâng cao dân trí, tạo cơ hội việc làm, giảm tệ nạn xã hội.

Về phương diện tài chính, Thông tư quy định khung lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư phải nằm trong khoảng từ lãi vay huy động vốn đến chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu (có tính đến lạm phát). Điều này nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích giữa Nhà nước và nhà đầu tư, đồng thời làm cơ sở xây dựng phương án tài chính trong các báo cáo nghiên cứu.

Thông tư cũng đưa ra các tiêu chí đánh giá chất lượng công trình và dịch vụ do doanh nghiệp dự án cung cấp, bao gồm yêu cầu về thiết kế, thi công, bảo trì và chất lượng dịch vụ theo quy định pháp luật và hợp đồng PPP. Thời gian khấu hao công trình hạ tầng được thực hiện theo quy định hiện hành và phù hợp với từng loại hợp đồng, đặc biệt là hợp đồng BOT.

Trong lựa chọn nhà đầu tư, Thông tư hướng dẫn cụ thể phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu trên các khía cạnh năng lực, kỹ thuật và tài chính - thương mại. Các phương pháp xếp hạng nhà đầu tư có thể dựa trên tiêu chí giá, mức vốn nhà nước hỗ trợ, lợi ích xã hội hoặc kết hợp nhiều tiêu chí nhằm đảm bảo lựa chọn được nhà đầu tư có hiệu quả và phù hợp nhất với dự án.

Ngoài ra, Thông tư ban hành mẫu hợp đồng BOT áp dụng cho dự án

PPP trong giáo dục và quy định các nội dung cơ bản của hợp đồng. Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 06/6/2026.

SỬA ĐỔI MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ LẬP VÀ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 20/4/2026, Bộ trưởng Tài chính ban hành [Thông tư số 43/2026/TT-BTC](#) của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trước hết quy định chung về lập báo cáo tài chính hợp nhất được hoàn thiện, trong đó bổ sung quy định về việc lập báo cáo giữa niên độ và theo kỳ kế toán khác tùy theo yêu cầu quản lý hoặc quy định pháp luật liên quan. Đồng thời, Thông tư cũng làm rõ thời hạn nộp báo cáo tài chính hợp nhất năm (chậm nhất 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính) và nguyên tắc công khai báo cáo theo các quy định chuyên ngành như chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm.

Thông tư quy định về phạm vi hợp nhất và ghi nhận các khoản đầu tư. Cụ thể, kết quả hoạt động của công ty con được đưa vào báo cáo hợp nhất từ thời điểm công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và chấm dứt khi mất quyền kiểm soát. Trường hợp khoản đầu tư không còn là công ty con hay công ty liên kết thì phải được kế toán lại phù hợp với quy định.

Thông tư cũng hướng dẫn rõ hơn việc xử lý các nghĩa vụ tài chính liên quan đến công ty liên doanh, liên

kết, đặc biệt trong trường hợp nhà đầu tư phải thanh toán thay hoặc cam kết gánh lỗ.

Thông tư cũng sửa đổi, bổ sung hệ thống biểu mẫu và chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Cụ thể, bổ sung các chỉ tiêu như “Lợi thế thương mại”, “Lợi ích cổ đông không kiểm soát”, “Phần lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết”, cũng như phân tách rõ lợi nhuận thuộc về công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát. Ngoài ra, doanh nghiệp được phép bổ sung thêm chỉ tiêu phù hợp với đặc thù hoạt động nhưng phải thuyết minh đầy đủ và đảm bảo tuân thủ Luật Kế toán.

Một điểm đáng chú ý là các quy định chi tiết về loại trừ giao dịch nội bộ và xử lý các khoản mục trong quá trình hợp nhất. Thông tư yêu cầu loại trừ toàn bộ doanh thu, chi phí, thu nhập phát sinh trong nội bộ tập đoàn, kể cả các giao dịch tài chính, ngoại trừ một số chênh lệch tỷ giá theo chuẩn mực kế toán. Đồng thời, hướng dẫn cụ thể việc điều chỉnh lợi ích cổ đông không kiểm soát, xử lý dự phòng, bảo hành công trình, cũng như nguyên tắc quy đổi báo cáo tài chính của công ty con ở nước ngoài theo các loại tỷ giá khác nhau.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2026.

QUY ĐỊNH MỚI VỀ CHUẨN NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN MẦM NON

Ngày 09/4/2026, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành [Thông tư số 28/2026/TT-BGDĐT](#)

quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

Thông tư có hiệu lực từ ngày ký, áp dụng đối với chức danh giáo viên mầm non trong các cơ sở giáo dục mầm non bao gồm giáo viên thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em và giáo viên giữ chức vụ hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trong cơ sở giáo dục mầm non.

Theo Thông tư, nhiệm vụ và tiêu chuẩn nghề nghiệp của giáo viên mầm non được chia thành hạng III, hạng II, hạng I; bảo đảm phân hóa theo mức độ năng lực và vai trò nghề nghiệp. Trong đó, giáo viên không chỉ thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ mà còn tham gia phát triển chuyên môn, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, tham gia biên tập hoặc biên soạn nội dung tài liệu bồi dưỡng giáo viên mầm non, hỗ trợ đồng nghiệp, tham mưu và dẫn dắt hoạt động giáo dục tùy theo hạng chức danh.

Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non được thiết kế theo 3 nhóm tiêu chuẩn bao gồm: đạo đức nghề nghiệp; trình độ đào tạo, bồi dưỡng; năng lực chuyên môn, nghiệp vụ. Trong đó, các yêu cầu về đạo đức nhấn mạnh đến sự yêu nghề, đối xử công bằng, tôn trọng trẻ em, bảo vệ quyền trẻ em, biết quản lý cảm xúc, có tinh thần đoàn kết, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp.

Thông tư cũng quy định chi tiết về các năng lực của giáo viên mầm non như nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo đảm an toàn cho trẻ; xây dựng và tổ chức hoạt động giáo dục; đánh giá sự phát

triển của trẻ; xây dựng môi trường giáo dục; giao tiếp, phối hợp với gia đình và cộng đồng. Bên cạnh đó, giáo viên phải có năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong hoạt động nghề nghiệp; có khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm. Đồng thời, giáo viên phải có năng lực tự học, thích ứng và phát triển nghề nghiệp liên tục. Các yêu cầu đều được thiết kế theo hướng phát triển dần từ hạng III đến hạng I.

Trong đó, giáo viên mầm non hạng I, hạng II được giao thêm nhiều nhiệm vụ mang tính dẫn dắt như hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp; tham gia xây dựng chương trình, tài liệu, chính sách; chủ trì hoạt động chuyên môn, nghiên cứu, đổi mới phương pháp giáo dục; xây dựng và lan tỏa các mô hình giáo dục tiên tiến. Điểm mới này góp phần hình thành đội ngũ giáo viên cốt cán, nâng cao chất lượng toàn hệ thống giáo dục mầm non.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỀ QUỸ PHÁT TRIỂN TRÍ TUỆ NHÂN TẠO QUỐC GIA

Dự thảo Nghị định quy định về quỹ phát triển trí tuệ nhân tạo quốc gia gồm 7 chương và 45 điều do Bộ Khoa học và Công nghệ soạn thảo.

Nội dung của dự thảo gồm các quy định về tổ chức, cơ chế tài chính đặc thù, quản lý, sử dụng và giám sát Quỹ Phát triển trí tuệ nhân tạo quốc gia.

Quỹ Phát triển trí tuệ nhân tạo quốc gia là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động không vì lợi nhuận và do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý. Quỹ hoạt động vì mục tiêu thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và quản lý trí tuệ nhân tạo, nâng cao năng lực

cạnh tranh quốc gia. Đồng thời, Quỹ thực hiện nhiệm vụ huy động, điều phối và dẫn dắt nguồn lực xã hội đầu tư vào lĩnh vực trí tuệ nhân tạo.

Theo dự thảo, Quỹ hoạt động công khai, minh bạch, hiệu quả; bảo đảm đúng mục tiêu, đúng đối tượng theo quy định của pháp luật; phân bổ, điều chỉnh và sử dụng nguồn lực linh hoạt theo tiến độ và yêu cầu thực hiện, không phụ thuộc niên độ ngân sách; quản lý theo nguyên tắc chấp nhận rủi ro có kiểm soát, phù hợp với mức độ rủi ro của từng hoạt động; bảo đảm tuân thủ đúng quy trình, thẩm quyền theo quy định của pháp luật; không hỗ trợ trùng lặp đối với cùng một nội dung từ các nguồn ngân sách nhà nước.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Xúi giục, kích động người khác uống rượu, bia sẽ bị xử phạt hành chính như thế nào?

Trả lời: [Nghị định 90/2026/NĐ-CP](#) ngày 30/3/2026 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành

chính trong lĩnh vực y tế có hiệu lực từ ngày 15/5/2026.

Theo [điểm b, khoản 2](#), Điều 30 Nghị định này, hành vi xúi giục, kích động, lôi kéo người khác uống rượu, bia sẽ bị phạt từ 500 nghìn đồng đến 1 triệu đồng.

2. Hỏi: *Hành vi sử dụng người chưa đủ 18 tuổi trực tiếp tham gia vào việc quảng cáo rượu, bia sẽ bị phạt tiền bao nhiêu?*

Trả lời: [Khoản 1, Điều 33](#) Nghị định 90/2026/NĐ-CP quy định mức phạt từ 15 triệu đồng đến 20 triệu đồng đối với hành vi sử dụng người chưa đủ 18 tuổi trực tiếp tham gia vào việc quảng cáo rượu, bia.

3. Hỏi: *Hành vi vi phạm các quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong phòng, chống tác hại của rượu, bia bị xử phạt như thế nào?*

Trả lời: Theo [khoản 1, Điều 34](#) Nghị định số 90/2026/NĐ-CP, phạt từ 3 triệu đồng đến 5 triệu đồng đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức có một trong các hành vi vi phạm quy định về phòng, chống tác hại của rượu, bia sau đây:

- Không tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống tác hại của rượu, bia trong cơ quan, tổ chức;

- Không tổ chức thực hiện quy định không uống rượu, bia trong thời gian làm việc, tại nơi làm việc của cơ quan, tổ chức;

- Không nhắc nhở, yêu cầu chấm dứt hành vi uống, bán rượu, bia trong địa điểm không uống, bán rượu, bia thuộc quyền quản lý, điều hành;

- Không tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc mọi người thực hiện đúng quy định về không được uống, không được bán rượu, bia tại địa điểm thuộc quyền quản lý, điều hành.

4. Hỏi: *Hành vi cung cấp thông tin không chính xác về ảnh hưởng của rượu, bia đối với sức khỏe sẽ bị xử phạt ở mức nào?*

Trả lời: [Khoản 3, Điều 36](#) Nghị định số 90/2026/NĐ-CP quy định phạt từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng đối với hành vi cung cấp thông tin không chính xác, sai sự thật về ảnh hưởng của rượu, bia đối với sức khỏe./.